

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 26 – 4 – 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự - vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Đặng Thị Em

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Bùi Thị Th (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L 1, xã L, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Anh Lê Hữu A (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L 1, xã L, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày: Do quen biết nên bà Phạm Thị M có cho bà Bùi Thị Th cùng con là Lê Hữu A vay tiền cụ thể như sau:

- Ngày 10/8/2021 bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A có vay của bà Phạm Thị M số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, đóng lãi định kỳ hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng.

- Ngày 28/9/2021 bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A có vay của bà Phạm Thị M số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, đóng lãi định kỳ hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng.

- Ngày 20/3/2022 bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A có vay của bà Phạm Thị M số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, đóng lãi định kỳ hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng.

- Ngày 10/4/2022 bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A có vay của bà Phạm Thị M số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, đóng lãi định kỳ hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng.

- Ngày 10/5/2022 bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A có vay của bà Phạm Thị M số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, đóng lãi định kỳ hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng.

Tổng cộng các lần vay, bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A vay của bà Phạm Thị M số tiền là 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*). Từ khi vay bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A không có trả số tiền lãi suất nào cho bà M, bà M đã nhiều lần yêu cầu bà Th, anh Hữu Anh có nghĩa vụ trả số tiền nợ nhưng bà Th, anh Hữu A hứa hẹn mà không thực hiện.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A nghĩa vụ trả cho bà M số tiền còn nợ 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*) trong thời gian sớm nhất, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai đối với bị đơn bà Bùi Thị Th và anh Lê Hữu A.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M. Bị đơn bà Bùi Thị Th và anh Lê Hữu A có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phạm Thị M số tiền 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*).

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A trả số tiền 110.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn bà Phạm Thị M cung cấp cho Tòa án các biên nhận nợ cụ thể: Ngày 10/8/2021 bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A có vay của bà Phạm Thị M số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 28/9/2021 bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A vay của bà Phạm Thị M số tiền 25.000.000 đồng; Ngày 20/3/2022 bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A vay của bà Phạm Thị M số tiền 15.000.000 đồng; Ngày 10/4/2022 bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A vay của bà Phạm Thị M số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 10/5/2022 bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A vay của bà Phạm Thị M số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng các lần vay, bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A vay của bà Phạm Thị M số tiền 110.000.000 đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử có thể khẳng định việc vay số tiền 110.000.000 đồng của bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A đối với nguyên đơn Phạm Thị M là có thật. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xem như bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A đã từ bỏ việc

cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản là tiền của bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu Anh đối với nguyên đơn Phạm Thị M là tự nguyện. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay phía bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A chưa trả số tiền nào cho nguyên đơn nên từ đó ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 110.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Nguyên đơn Phạm Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A phải chịu 5% án phí trên số tiền phải trả là 5.500.000 đồng.

Nguyên đơn Phạm Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M.
2. Buộc bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Phạm Thị M số tiền 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A phải chịu 5.500.000 đồng (*Năm triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn Phạm Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số

0004487, lập ngày 09/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Bùi Thị Th, anh Lê Hữu A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil